

BÁO CÁO THẨM TRA
Các dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách
trình kỳ họp thứ 3 - HĐND tỉnh khoá IX

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh và trên cơ sở các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình tại kỳ họp, qua giám sát và ý kiến của các đại biểu dự họp, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

I. Tổng quyết toán ngân sách năm 2015

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của HĐND tỉnh về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2015; trên cơ sở Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2015 của UBND tỉnh và qua giám sát thực tế, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh một số nội dung chủ yếu sau:

1. Về quyết toán thu ngân sách

Dự toán tổng thu ngân sách từ kinh tế - xã hội là 34.000 tỷ đồng, quyết toán 36.561 tỷ đồng, đạt 108% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó, thu từ sản xuất kinh doanh trong nước dự toán 24.000 tỷ đồng, quyết toán 26.228 tỷ đồng, đạt 109% dự toán và thu từ lĩnh vực xuất, nhập khẩu dự toán 10.000 tỷ đồng, quyết toán 10.334 tỷ đồng, đạt 103% dự toán. Đối với thu từ sản xuất kinh doanh trong nước, một số khoản thu có tỷ trọng lớn vượt dự toán như: thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt 125% dự toán¹, doanh nghiệp ngoài quốc doanh đạt 111% dự toán², khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 100% dự toán; các khoản thu từ lĩnh vực đất đai vượt dự toán³ như: thu tiền sử dụng đất đạt 199% dự toán, thu tiền thuê đất đạt 483% dự toán...

Ban Kinh tế - Ngân sách cho rằng, trong năm 2015, về cơ bản, tình hình kinh tế của tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển. Với sự chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời của UBND tỉnh đã tạo thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, cùng sự nỗ lực của các ngành, các cấp và cộng đồng doanh nghiệp,

¹ Nguồn thu vượt dự toán chủ yếu do: Một số đơn vị viễn thông có doanh thu tiêu thụ tăng nên thuế GTGT nộp tăng như: Chi nhánh Viettel nộp tăng 17% và Viễn thông tăng 39% so cùng kỳ; Công ty Điện lực Bình Dương 21 tỷ đồng (cùng kỳ không phát sinh).

² Số thu từ khu vực này tăng cao, chủ yếu do: Tổng công ty Becamex xuất hóa đơn chuyển nhượng dự án bất động sản cho công ty con nên phát sinh số thuế GTGT nộp 307 tỷ đồng.

³ Các khoản thu từ đất đai vượt dự toán và tăng cao so với cùng kỳ do:

- Tiền sử dụng đất: Công ty xe lửa Dĩ An nộp trước hạn 68 tỷ đồng để có giấy CNQSDĐ cấp cho các hộ dân; Công ty 3/2 nộp tiền nợ năm trước 58 tỷ đồng do điều chỉnh quyết định giao đất; nhiều hộ gia đình, cá nhân thanh toán nợ trước hạn để được hỗ trợ giảm mức 2% theo Nghị định 45/2014/NĐ-CP với số tiền 367 tỷ đồng.

- Tiền thuê đất: một số doanh nghiệp nộp tiền thuê đất một lần cho nhiều năm 420 tỷ đồng (riêng Khu công nghiệp Nam Tân Uyên nộp 400 tỷ đồng).

đặc biệt là của cơ quan Thuế, Hải quan trong triển khai thực hiện các giải pháp quản lý thu, cải cách thủ tục hành chính, tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu ngân sách... nên nguồn thu ngân sách vượt dự toán được giao, góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về quyết toán chi ngân sách

Năm 2015, chi ngân sách về cơ bản đáp ứng hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm ưu tiên chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Dự toán chi ngân sách địa phương là 13.000 tỷ đồng, quyết toán 13.185 tỷ đồng, đạt 101% so với dự toán, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 105% và chi thường xuyên chỉ đạt 97% so với dự toán⁴.

Nhìn chung, công tác giao dự toán, quản lý, điều hành, chấp hành chi ngân sách địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực; các cấp, các ngành về cơ bản đã bám sát dự toán được giao, tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2015 của UBND tỉnh đã tổng hợp đầy đủ và thuyết minh khá chi tiết nguyên nhân tăng, giảm từng khoản chi so với dự toán được giao. Tuy nhiên, một số khoản chi không đạt dự toán HĐND tỉnh giao như: chi sự nghiệp môi trường đạt 85% dự toán, chi sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 76% dự toán, chi quản lý hành chính đạt 91% dự toán; đồng thời việc chấp hành dự toán chi ngân sách ở một số lĩnh vực, đơn vị chưa sát yêu cầu thực tế, từ đó chậm phát huy hiệu quả của việc sử dụng kinh phí đã phân bổ.

Về chi đầu tư xây dựng cơ bản, đã chủ động bố trí vốn cho các dự án tương đối sát với nhu cầu và tiến độ thực hiện, trong đó tập trung vào các công trình trọng điểm, công trình phải hoàn thành trong năm; vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết được bố trí phù hợp với quy định. Tuy nhiên, việc chấp hành các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư xây dựng cơ bản của một số địa phương chưa nghiêm như: phê duyệt dự án đầu tư khi chưa bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn, không bố trí vốn tập trung cho các công trình trọng điểm, còn phát sinh nợ đọng khối lượng xây dựng cơ bản ...; một số hạn chế, yếu kém trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản như công tác tư vấn, thẩm định dự án, tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng,... chậm được khắc phục.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh cần có biện pháp xử lý để các địa phương, đơn vị nghiêm túc khắc phục những hạn chế nêu trên nhằm nâng cao

⁴ Chi thường xuyên không đạt dự toán do thực hiện dừng mua sắm trang thiết bị và tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm theo Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2015 và một số nội dung không thực hiện phải hủy dự toán cụ thể:

- Chi sự nghiệp kinh tế hủy dự toán là 70.056 triệu đồng do: Trung tâm hành chính tỉnh chưa được bàn giao dẫn đến chưa phát sinh một số chi phí vận hành, bảo trì máy móc thiết bị, bảo hiểm tòa nhà; trong năm không phát sinh kinh phí phòng chống cháy rừng, dịch ở vật nuôi và cây trồng; không thực hiện đề án tuyên truyền vận động sử dụng tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường...

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo hủy dự toán là 66.821 triệu đồng do: số lượng tiến sĩ, thạc sĩ đào tạo thấp so chỉ tiêu; kinh phí tập huấn cho cán bộ quản lý ở nước ngoài không thực hiện; ngừng thực hiện gửi sinh viên vào Trường Cao đẳng y tế để tạo nguồn cho cán bộ y tế học đường theo chỉ đạo của Chính phủ....

- Chi sự nghiệp y tế một số nội dung không thực hiện phải hủy dự toán là 21.795 triệu đồng do: kinh phí chi phục vụ đối tượng trung cao thấp hơn dự toán; không phát sinh dịch cúm H5N1 và H1N1.....

hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp thu và tổ chức thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với kiểm toán ngân sách tỉnh Bình Dương năm 2015.

3. Về báo cáo Tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2015

Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2015 của UBND tỉnh được lập trên cơ sở thẩm định, tổng hợp từ quyết toán ngân sách của 9 huyện, thị, thành phố được HĐND cùng cấp phê chuẩn và quyết toán ngân sách của các sở, ngành, đơn vị, được đối chiếu, xác nhận của Kho bạc nhà nước tỉnh cũng như số liệu quyết toán đã được cơ quan Kiểm toán Nhà nước kiểm toán, xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp; vì vậy Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí và đề nghị HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2015 như sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh là 36.561 tỷ đồng (số tròn); trong đó số thu từ kinh tế - xã hội ngân sách địa phương được hưởng quyết toán là 13.278 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương là 13.185 tỷ đồng.

- Kết dư ngân sách địa phương là 4.598 tỷ đồng, trong đó ngân sách cấp tỉnh là 2.745 tỷ đồng, cấp huyện là 1.707 tỷ đồng, cấp xã là 146 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

II. Dự thảo nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia giữa ngân sách và số bổ sung cân đối ngân sách từng huyện, thị xã, thành phố năm 2017 và thời kỳ ổn định 2017 - 2020.

1. Đánh giá tình hình thực hiện phân cấp ngân sách giai đoạn năm 2011-2016:

Sau 6 năm thực hiện việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn năm 2011-2016 cho thấy việc phân cấp là cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đã phát huy tác dụng tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tạo được tính ổn định trong quản lý, điều hành ngân sách; tạo thế chủ động cho ngân sách các cấp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; trên cơ sở tiết kiệm hơn và đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế như: một số lĩnh vực phân cấp ngân sách cho cấp huyện nhưng chưa gắn với phân cấp quản lý nên đã ảnh hưởng đến công tác kế hoạch, quản lý điều hành cũng như cấp huyện không đủ thẩm quyền để kiểm tra, đôn đốc, khai thác nhằm tăng thu cho ngân sách; một số khoản thu vượt đột xuất lớn nhưng tỉnh không thể điều hòa được, trong khi phải sử dụng ngân sách tỉnh để hỗ trợ cho các huyện bị hụt thu. Phân cấp giữa cấp huyện và cấp xã cũng gặp vướng mắc tương tự; việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cả đầu tư và chi thường xuyên,...cho huyện quá rộng, trong khi lực lượng cán bộ, công chức cấp huyện còn thiếu và yếu, dẫn đến việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước bị hạn chế. Bên cạnh đó một số nhiệm vụ chi phân cấp cho cấp huyện chưa gắn với phân cấp quản lý dẫn đến gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành cũng như bố trí kinh phí.

2. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017 và thời kỳ 2017 - 2020.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở bám sát các quy định Luật ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương lần này đã khắc phục những hạn chế của phân cấp ngân sách 2011-2016, cụ thể:

- Một số lĩnh vực trước đây phân cấp ngân sách cho cấp huyện nhưng chưa phân cấp quản lý thì đến dự thảo này đã gắn phân cấp ngân sách với phân cấp quản lý để tạo sự chủ động trong công tác kế hoạch, quản lý điều hành cũng như cấp huyện có đủ thẩm quyền để kiểm tra, đôn đốc, khai thác nhằm tăng thu cho ngân sách;

- Một số khoản thu lớn đã đưa về thuộc nguồn thu 100% ngân sách cấp tỉnh để bảo đảm ngân sách cấp tỉnh đóng vai trò chủ đạo, thực hiện các nhiệm vụ chi của toàn tỉnh, hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại Khoản 3, Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước;

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý thu và phân cấp quản lý về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn, đảm bảo tính công bằng, hợp lý và ổn định.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất, kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

III. Dự thảo nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ 2017 – 2020.

1. Đánh giá tình hình thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn năm 2011 - 2016.

Qua 6 năm thực hiện Nghị quyết số 26/2010/NQ/HĐND7 ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 đã đạt được những kết quả nhất định, bảo đảm được kinh phí hoạt động cho các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở; đảm bảo nguồn lực để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương; tạo tính chủ động cho lãnh đạo đơn vị trong quản lý biên chế và sử dụng kinh phí, khuyến khích các đơn vị tiết kiệm biên chế và kinh phí hoạt động được giao để tăng thêm thu nhập, góp phần quan trọng vào việc động viên cán bộ công chức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao...

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, còn tồn tại một số hạn chế như: Định mức bao gồm cả tiền lương, phụ cấp, các khoản theo lương (chi cho con người) và kinh phí hoạt động, trong đó phần chi cho con người giữa các đơn vị là khác nhau nên mức chi hoạt động cũng khác nhau, tạo tâm lý thắc mắc, so bì giữa các đơn vị. Mặt khác, do cơ cấu chi hoạt động bao gồm cả lương, nên khi Trung ương điều chỉnh mức lương cơ sở, ngoài việc tính toán lại quỹ tiền lương còn phải tính lại kinh phí hoạt động gây mất nhiều thời gian và công sức. Đối với khối huyện, thị xã, thành phố định mức chi cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục được phân bổ theo 3

tiêu chí dân số, học sinh, trường chuyên biệt. Trường hợp sau khi phân bổ kinh phí hoạt động không đảm bảo cơ cấu quỹ lương 80% và hoạt động là 20% thì sẽ bổ sung cho đủ 20% kinh phí hoạt động. Các đơn vị sự nghiệp y tế, định mức vừa phân bổ theo tiêu chí dân số đối với sự nghiệp phòng bệnh, vừa phân bổ theo tiêu chí giường bệnh, tiêu chí đặc thù, biên chế và cơ sở hoạt động đối với sự nghiệp chữa bệnh... đã tạo nên khó khăn, phức tạp cho các đơn vị trong việc tính toán, phân bổ dự toán chi thường xuyên... Đây là những hạn chế cần được khắc phục trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và giai đoạn năm 2017-2020.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết:

Theo nội dung dự thảo Nghị quyết, quy định định mức chi cho 08 lĩnh vực gồm: Quản lý nhà nước, khối Đảng, đoàn thể; sự nghiệp giáo dục; sự nghiệp đào tạo, dạy nghề; sự nghiệp y tế; sự nghiệp văn hoá, thông tin, thể dục thể thao; sự nghiệp phát thanh truyền hình; sự nghiệp đảm bảo xã hội và văn xã khác; sự nghiệp khoa học công nghệ, môi trường, sự nghiệp kinh tế.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận định rằng định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách lần này đã khắc phục những hạn chế của định mức năm 2011, tách phần chi tiền lương và phần chi hoạt động thành hai phần riêng biệt, mức chi hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị trong cùng lĩnh vực đều bằng nhau để đảm bảo sự công bằng; định mức chi đảm bảo phù hợp với các cơ quan, đơn vị của từng huyện, thị xã, thành phố, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và cân đối trong khả năng tài chính ngân sách địa phương, do vậy Ban thống nhất.

Đối với nội dung UBND tỉnh đề nghị uỷ quyền Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung định mức phân bổ chi thường xuyên khi có phát sinh do thực hiện chính sách mới hoặc do những yếu tố khách quan, Ban không thống nhất và đề nghị UBND tỉnh thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 của Luật Ngân sách năm 2015.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. Dự thảo nghị quyết về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách năm 2017.

1. Về thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2016

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2016 của UBND tỉnh và cho rằng trong bối cảnh nền kinh tế có bước phục hồi tích cực, tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu HĐND tỉnh đề ra, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2016 ước vượt dự toán 1.000 tỷ đồng (tăng 3% so dự toán và tăng 9% so với thực hiện 2015) là kết quả đáng ghi nhận, thể hiện sự quyết liệt trong điều hành của UBND tỉnh, tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực, cố gắng hoàn thành vượt dự toán được giao của cơ quan thu, cũng như các sở, ngành và địa phương.

Thu nội địa ước vượt dự toán 500 tỷ đồng (tăng 2% so với dự toán) và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước vượt dự toán 500 tỷ đồng (tăng 5% so với dự toán). Kết quả này là tích cực.

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách năm 2016

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 14.500 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, tăng 19% so với thực hiện năm 2015. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước thực hiện đạt 5.956 tỷ đồng⁵, đạt 100% dự toán. Chi thường xuyên ước thực hiện 8.244 tỷ đồng, đạt 110% dự toán, tăng 25% so với thực hiện năm 2015. Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, trong chi thường xuyên, hầu hết các khoản chi đều ước thực hiện vượt dự toán nhưng trong báo cáo UBND tỉnh chưa đánh giá cụ thể về nội dung này. Đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ hơn nguyên nhân vượt dự toán và kết quả sử dụng dự phòng ngân sách.

3. Dự toán thu - chi ngân sách năm 2017

a) Về dự toán thu ngân sách

Căn cứ dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và trên cơ sở dự báo tình hình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán thu ngân sách năm 2017 là 46.000 tỷ đồng, tăng 15% so với ước thực hiện năm 2016, tăng 1% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó, thu nội địa là 34.500 tỷ đồng, tăng 19% so với ước thực hiện năm 2016, tăng 1% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; thu từ lĩnh vực xuất nhập khẩu là 11.500 tỷ đồng, tăng 5% so với ước thực hiện năm 2016, tăng 3% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với dự toán thu như UBND tỉnh trình và cho rằng dự toán thu ngân sách được xây dựng khá tích cực trên cơ sở đánh giá đầy đủ và sát khả năng thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó phần lớn các khoản thu lớn, ổn định được dự toán tăng so với ước thực hiện năm 2016, phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017. Tuy nhiên, áp lực thực hiện nhiệm vụ thu là rất lớn khi tình hình kinh tế theo dự báo vẫn còn khó khăn, vì vậy, để có thể hoàn thành dự toán thu năm 2017, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi và hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; chỉ đạo ngành thuế, hải quan tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước và tăng cường các biện pháp chống thất thu, giảm nợ đọng thuế.

b) Về dự toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương là 15.500 tỷ đồng, tăng 7% so với ước thực hiện năm 2016. Chi ngân sách tiếp tục được ưu tiên bố trí cho đầu tư phát triển là 6.102 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 39,4% tổng chi ngân sách, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản là 6.000 tỷ đồng, tăng 9% so với thực hiện năm 2016; chi thường xuyên được bố trí 8.878 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 57,3% tổng chi ngân sách; Dự phòng ngân sách bố trí 520 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh 370 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,3% tổng chi ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện 150 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2% tổng chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy việc phân bổ chi ngân sách địa phương như trên là hợp lý, đảm bảo bố trí chi cho lĩnh vực y tế, giáo dục theo đúng quy định của

Trung ương. Đối với chi thường xuyên, thực hiện theo định mức mới giai đoạn 2017-2020 và Ban Kinh tế - Ngân sách tán thành với UBND tỉnh về biện pháp bám sát, điều hành trong phạm vi dự toán được giao và không ban hành chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách khi chưa có nguồn bảo đảm. Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy rằng, năm 2017 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới của giai đoạn năm 2017-2020, với việc Trung ương giảm tỷ lệ điều tiết để lại cho NSDP từ 40% xuống chỉ còn 36%, bên cạnh đó số thu thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu và các khoản thu phí, lệ phí, thu phạt vi phạm hành chính do các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện sẽ do NSTW hưởng 100% đã làm ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Do đó, trong điều kiện nguồn vốn từ ngân sách tỉnh dành cho đầu tư có hạn, chưa đáp ứng được nhu cầu, đề nghị UBND tỉnh cần triển khai và áp dụng nhiều giải pháp chính sách để huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước bổ sung nguồn vốn nhà nước đầu tư kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư công và chi thường xuyên trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và cơ sở hạ tầng trong thời gian tới.

V. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2016 và Kế hoạch đầu tư công năm 2017

1. Về kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2016

Trên cơ sở thực hiện đến 09/11/2016 và tình hình thực tế, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, UBND tỉnh ước thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 là 6.594 tỷ 665 triệu đồng, đạt 102,5% kế hoạch là có cơ sở.

Về cơ bản, công tác điều hành thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản của UBND đạt kết quả tích cực, nguồn vốn được bố trí hợp lý, tuân thủ nguyên tắc theo quy định của Luật Đầu tư công, tập trung cho các dự án chuyên tiếp nằm trong danh mục dự án trọng điểm của tỉnh và hoàn thành trong năm, ưu tiên các dự án phục vụ cho y tế, giáo dục. UBND tỉnh đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch đầu tư công gắn với yêu cầu triển khai Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016. Tuy nhiên, qua giám sát cho thấy các huyện, thị, thành phố chưa chủ động và còn lúng túng trong triển khai thực hiện các quy định mới về công tác đầu tư công nên ảnh hưởng đến kết quả giải ngân, đặc biệt là trong nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí; công tác đền bù, giải tỏa và bàn giao mặt bằng thi công còn chậm.

2. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với UBND tỉnh về bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 là 7.156 tỷ 406 triệu đồng, tăng 1.656 tỷ 406 triệu đồng so với năm 2016 và được phân bổ cho tỉnh là 4.800 tỷ đồng⁶ (chiếm 67,1% tổng vốn đầu tư công toàn tỉnh), cho huyện 1.200 tỷ đồng (chiếm 16,8% tổng vốn đầu tư

⁶ - Bố trí thực hiện các dự án do tỉnh quản lý: 3.030 tỷ đồng;
- Bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện: 570 tỷ đồng;
- Vốn xố số kiến thiết: 1.200 tỷ đồng.

công toàn tỉnh).

a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung do tỉnh quản lý (3.030 tỷ đồng) được phân bổ:

- *Vốn bố trí chuẩn bị đầu tư*: Bố trí 37 dự án với tổng vốn là 44 tỷ 203 triệu đồng.
- *Vốn bố trí thực hiện dự án*: 145 dự án với tổng vốn là 2.985 tỷ 797 triệu đồng, cụ thể:
 - + Chuyển tiếp: bố trí thực hiện 70 dự án với tổng vốn 1.799 tỷ 933 triệu đồng;
 - + Khởi công mới: 56 dự án với tổng vốn 1.175 tỷ 198 triệu đồng.
 - + Bố trí 10 tỷ 666 triệu đồng để thanh toán khối lượng đối với 19 dự án hoàn thành.

b) Vốn từ nguồn xổ số kiến thiết: 1.200 tỷ đồng được bố trí danh mục dự án 95 dự án (ngành giáo dục: 838 tỷ 437 triệu đồng, chiếm 70% và ngành y tế: 361 tỷ 563 triệu đồng, chiếm 30%). Danh mục dự án được bố trí bao gồm:

- *Thanh toán khối lượng cho các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng*: 15 dự án với tổng vốn 48 tỷ 471 triệu đồng;
- *Chuẩn bị đầu tư*: 10 dự án với tổng vốn là 12 tỷ 100 triệu đồng;
- *Chuyển tiếp*: 31 dự án với tổng vốn 705 tỷ 150 triệu đồng;
- *Khởi công mới*: 18 dự án với tổng vốn 434 tỷ 279 triệu đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Về tổng thể vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 được bố trí hợp lý, tuân thủ nguyên tắc theo quy định của Luật Đầu tư công, đảm bảo bố trí vốn cho các dự án công trình quan trọng được xác định tại các Nghị quyết và Chương trình của Tỉnh ủy; tập trung cho các dự án chuyển tiếp nằm trong danh mục dự án trọng điểm của tỉnh và hoàn thành trong năm, ưu tiên vốn các công trình giao thông, y tế, giáo dục, các công trình cấp, thoát nước và bố trí chuẩn bị đầu tư đối với các dự án dự kiến khởi công trong giai đoạn 2016 - 2020. Trong điều kiện nền kinh tế còn khó khăn, nguồn vốn chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND điều hành theo đúng kế hoạch vốn được giao, tuyệt đối không gây phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

VI. Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với UBND tỉnh về bố trí vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh là 33.507 tỷ đồng, tăng so với đầu tư công giai đoạn 2011-2015 là 11.541 tỷ đồng, trong đó: Vốn tỉnh bố trí 21.410 tỷ đồng (chiếm 63,9%); Vốn phân cấp theo tiêu chí cấp huyện 6.350 tỷ đồng (chiếm 19%), Vốn ngân sách Trung ương 3.147 tỷ đồng (chiếm 9,4 %); Dự phòng 2.600 tỷ đồng (chiếm 7,8%).

Đối với vốn ngân sách tập trung được bố trí cho 258 dự án, trong đó có 219 dự án nằm trong danh mục thực hiện dự án (chiếm 85%) và 39 dự án nằm trong danh mục chuẩn bị đầu tư (chiếm 15%). Trong 219 dự án nằm trong danh mục thực hiện dự án có 100 dự án thực hiện năm 2015 chuyển tiếp sang 2016-2020 (chiếm 46%), có 110 dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 hoàn thành trong giai đoạn 2016-

2020 (chiếm 51%), có 9 dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 hoàn thành sau 2020 (chiếm 5%);

Đối với vốn xổ số kiến thiết được bố trí cho 133 dự án, trong đó có 127 dự án nằm trong danh mục thực hiện dự án (chiếm 96%) và 06 dự án nằm trong danh mục chuẩn bị đầu tư (chiếm 4%). Trong 127 dự án nằm trong danh mục thực hiện dự án có 71 dự án thực hiện năm 2015 chuyển tiếp sang 2016-2020 (chiếm 56%), có 45 dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020 (chiếm 36%), có 11 dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 hoàn thành sau 2020 (chiếm 8%);

Đối với vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu được bố trí cho 119 dự án, trong đó có 114 dự án nằm trong danh mục thực hiện dự án (chiếm 96%) và 05 dự án nằm trong danh mục chuẩn bị đầu tư (chiếm 4%). Trong 114 dự án nằm trong danh mục thực hiện dự án có 56 dự án thực hiện năm 2015 chuyển tiếp sang 2016-2020 (chiếm 50%), có 58 dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 (chiếm 50%).

Đối với vốn ngân sách tập trung, về lĩnh vực hạ tầng kinh tế, bố trí 49 dự án giao thông với số vốn 5.570 tỷ 046 triệu đồng (chiếm 42%), 19 dự án cấp thoát nước công cộng và tài nguyên môi trường với số vốn 2.941 tỷ 613 triệu đồng (chiếm 22%), 11 dự án giáo dục với số vốn 167 tỷ 801 triệu đồng (chiếm 1,2%), 28 dự án y tế với số vốn 1.740 tỷ 559 triệu đồng (chiếm 13%). Ngoài ra, toàn bộ nguồn vốn xổ số kiến thiết 5.000 tỷ đồng đầu tư cho giáo dục và y tế.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, về tổng thể vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được bố trí hợp lý, tuân thủ theo các nguyên tắc và thứ tự ưu tiên theo Luật Đầu tư công, Nghị định 77/2015/NĐ-CP và các văn bản có liên quan; tất cả các dự án thuộc danh mục thực hiện dự án đều có quyết định chủ trương đầu tư, bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA và vay ưu đãi, tập trung bố trí cho các công trình quan trọng, trọng điểm được xác định tại Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh, các Chương trình của Tỉnh ủy giai đoạn 2016 - 2020; ưu tiên bố trí vốn dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020 cho các công trình trường học ở các địa bàn bức xúc. Chỉ bố trí vốn khởi công mới công trình dự án phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, thực sự cấp bách, cần thiết và có nguồn vốn cân đối.

Trong điều kiện nguồn vốn chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư và tránh phát sinh nợ đọng, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND điều hành theo đúng kế hoạch vốn đã được HĐND tỉnh thông qua; Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng thông qua hình thức hợp tác công tư (PPP) và thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa đối với các dự án thuộc lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở nông thôn. Nâng cao chất tư vấn, tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong khâu chuẩn bị đầu tư, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành và đưa công trình vào sử dụng.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VII. Dự thảo nghị quyết về Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn 2035.

1. Về sự cần thiết và thẩm quyền

Tài nguyên nước là một nguồn lực quan trọng đối với cuộc sống của dân cư và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Do đó, việc phân bổ, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh một cách hợp lý, ổn định và có tính bền vững cao, đồng thời, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về tài nguyên nước nhằm phát huy các lợi ích do tài nguyên nước mang lại, phòng chống tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh là vấn đề cần được quan tâm và tổ chức thực hiện. Do đó, việc UBND tỉnh lập quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn 2035 là thật sự cần thiết.

Điểm c Khoản 1 Điều 21 Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012 quy định: “UBND cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình HĐND cùng cấp thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường”; đồng thời, Khoản 3 Điều 15 Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012 quy định cũng quy định: “Kỳ quy hoạch tài nguyên nước là 10 năm, tầm nhìn 20 năm”. Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua quy hoạch này là đúng thẩm quyền luật định.

2. Nội dung quy hoạch

a) Về quan điểm và mục tiêu quy hoạch

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí và cho rằng nội dung này đã thể hiện rõ quan điểm, mục tiêu đảm bảo tài nguyên nước được bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đi đôi với việc phát triển tài nguyên nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra nhằm đảm bảo nguồn nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

b) Về phương án quy hoạch

Trên cơ sở đánh giá tiềm năng, chất lượng nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tác hại do nước gây ra; đồng thời dự báo nhu cầu sử dụng nước cho các tiểu lưu vực trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và xu thế biến động tài nguyên nước trên địa bàn, UBND tỉnh đã xây dựng phương án quy hoạch tài nguyên nước giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn 2035. Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy:

- Quy hoạch tài nguyên nước gồm có 3 nội dung chính: (1) Phân bổ nguồn nước, (2) Bảo vệ nguồn nước và (3) Phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đảm bảo đúng quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Phương án quy hoạch được lựa chọn đảm bảo việc phân bổ, khai thác hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ nguồn tài nguyên nước, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đồng thời quy hoạch đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025 được điều chỉnh theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng chính phủ, đồng thời, đảm bảo tính liên kết, đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt.

c) Về giải pháp thực hiện quy hoạch

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với 04 nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch theo Tờ trình của UBND tỉnh. Ngoài những giải pháp được nêu, qua giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh lưu ý và bổ sung một số giải pháp sau:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của UBND cấp huyện, cấp xã trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước; đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tài nguyên nước cho đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường ở cấp huyện, cấp xã.

- Đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất, nhất là ở các vùng cấm, hạn chế khai thác và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Đồng thời, mở rộng mạng lưới cấp nước thủy cục và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng nước cấp tập trung.

- Định kỳ thực hiện quan trắc, cập nhật thông tin về chất lượng nguồn nước; tổ chức điều tra, đánh giá sự suy giảm của tầng chứa nước để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Về trình tự, thủ tục lập quy hoạch

Việc lập Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn 2035 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo các quy định của pháp luật về quy hoạch. Thông tin, số liệu, dữ liệu sử dụng trong hồ sơ quy hoạch có tính pháp lý và đảm bảo độ tin cậy; cơ sở dự báo nhu cầu, tính toán các mục tiêu, chỉ tiêu của quy hoạch có tính khoa học, thuyết phục. Trong quá trình thực hiện đã được sự góp ý của các sở, ngành; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức nhiều hội thảo lấy ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các chuyên gia phản biện đúng quy định, được thông qua UBND tỉnh và có ý kiến thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 5160/BTNMT ngày 08/11/2016. Các ý kiến đóng góp đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu và bổ sung, hoàn thiện nội dung quy hoạch.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất, kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VIII. Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2021

1. Về sự cần thiết và thẩm quyền

Thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với công nghiệp chế biến giai đoạn 2011 - 2015 của Tỉnh ủy và các cơ chế, chính sách của Trung ương; trên cơ sở thẩm quyền luật định, HĐND tỉnh khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND8 ngày 03/10/2012 về “*Một số chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 – 2016*” (gọi tắt là Nghị quyết 19). Sau 04 năm triển khai thực hiện, chính sách đã đem lại hiệu quả thiết thực, tạo động lực cho nông dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cao, phát huy thế mạnh sẵn có, nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây ăn quả đặc sản, từ đó hình thành được vùng sản xuất gắn với khu sinh thái, cải thiện môi trường, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

Để tiếp tục duy trì, phát triển vườn cây ăn quả đặc sản phù hợp với quy hoạch phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp của tỉnh gắn với việc bảo vệ môi trường, phát triển du lịch sinh thái, nâng cao đời sống nhân dân vùng nông nghiệp đô thị và nông nghiệp truyền thống của tỉnh. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh “*Quyết định các biện pháp khác để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật*”; đồng thời, Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cũng quy định “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”. Do đó, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, tiếp tục ban hành chính sách hỗ trợ giữ và phát triển vườn cây ăn quả đặc sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2021 là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

2. Về nội dung

Dự thảo nghị quyết lần này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung, mức hỗ trợ còn phù hợp đã được quy định tại Nghị quyết 19 và điều chỉnh, bổ sung thêm một số mức hỗ trợ, cụ thể như sau:

a) *Đối tượng, phạm vi, thời gian thụ hưởng chính sách*: Tiếp tục được giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 19 là: 05 loại cây ăn quả đặc sản (*mãng cụt, sầu riêng, dâu, bòn bon và mít tố nữ*) thuộc 4 xã, phường của thị xã Thuận An (*phường Bình Nhâm, phường Hưng Định, phường An Thạnh và xã An Sơn*) và 02 loại cây (*bưởi ổi, bưởi đường lá cam*) ở xã Bạch Đằng thị xã Tân Uyên. Quy mô diện tích vườn được hưởng chính sách: từ 500m² trở lên và thời gian hỗ trợ là 05 năm (*từ năm 2017 - 2021*).

b) *Nội dung và định mức hỗ trợ của chính sách*:

- Tiếp tục thực hiện 04 nội dung và định mức hỗ trợ như Nghị quyết 19, bao gồm: *Hỗ trợ trồng mới và thâm canh, chăm sóc vườn; hỗ trợ cho nhà vườn thất mùa, mất mùa⁷; hỗ trợ tư vấn, chỉ đạo kỹ thuật và tập huấn kỹ thuật, tham quan.*

- Điều chỉnh, tăng định mức hỗ trợ đối với các nội dung:

+ *Đối với trồng mới*: Hỗ trợ cho công việc chăm sóc, nạo vét kênh mương nội đồng 5.000.000 đồng/ha/năm (*ng nghị quyết 19: 4.000.000 đồng/ha/năm*).

+ *Hỗ trợ nhà vườn thất mùa*:

(1) *Đối với nhà vườn năng suất đạt <60% năng suất bình quân*: Hỗ trợ công việc chăm sóc, nạo vét kênh mương nội đồng 6.750.000 đồng/ha (*ng nghị quyết 19: 450 kg gạo/ha*);

(2) *Đối với nhà vườn không có thu hoạch*: Hỗ trợ cho công việc chăm sóc, nạo vét kênh mương nội đồng 9.000.000 đồng/ha (*ng nghị quyết 19: 600 kg gạo/ha*).

- Bỏ quy định hỗ trợ về phát triển thị trường, xúc tiến thương mại vì nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của

⁷ Theo số 19/2012/NQ-HĐND8 ngày 03/10/2012 của HĐND tỉnh, nội dung hỗ trợ cho nhà vườn thất mùa chỉ áp dụng ở thị xã Thuận An.

UBND tỉnh về ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương.

Qua xem xét nội dung dự thảo nghị quyết, các quy định của pháp luật và điều kiện ngân sách của tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, chính sách được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định liên quan đến chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp do Trung ương ban hành⁸, phù hợp với định hướng, đặc thù phát triển nông nghiệp và trong phạm vi khả năng ngân sách của tỉnh. Theo đó, đối tượng, phạm vi và các nội dung được hưởng chính sách hỗ trợ là phù hợp, bao quát các hoạt động chủ yếu trong việc duy trì, phát triển vườn cây ăn quả đặc sản của tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này. Tuy nhiên, để khắc phục một số hạn chế trong việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách trong thời gian qua, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách để người dân nắm rõ; quy định rõ tiêu chuẩn cán bộ chỉ đạo kỹ thuật để thuận lợi trong việc triển khai thực hiện; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xả thải của các hộ dân chăn nuôi, doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp để bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế ô nhiễm hệ thống kênh mương ở khu vực vườn cây.

Ban Kinh tế-Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IX. Dự thảo nghị quyết về việc phê chuẩn danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 - 2021

1. Về thẩm quyền

Ngày 22/4/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, trong đó tại Khoản 2 và 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định: “*Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, UBND cấp tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*”. Theo đó, HĐND tỉnh khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 23/2013/NQ- HĐND8 ngày 09/12/2013 về quy định danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Bình Dương thời kỳ 2014-2015.

Năm 2016, trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh tại văn bản số 4293/UBND-KTTH ngày 03/12/2015, Thường trực HĐND tỉnh đã thống nhất tiếp tục thực hiện đầu tư trực tiếp và cho vay theo danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã ban hành tại Nghị quyết số 23/2013/NQ-HĐND8.

⁸ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Để tiếp tục thực hiện việc đầu tư trực tiếp và cho vay giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh xây dựng danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2020 trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua là cần thiết và đúng thẩm quyền luật định.

2. Về danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2017 - 2021

Qua xem xét, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với danh mục được nêu trong dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình gồm 05 lĩnh vực cơ bản đảm bảo theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐCP ngày 22/4/2013 của Chính phủ. Trong đó:

- Danh mục các lĩnh vực thể hiện tại các mục I, II, III, IV trong dự thảo nghị quyết phù hợp với danh mục do Chính phủ ban hành và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020, trong đó UBND tỉnh có rà soát, đề xuất danh mục ưu tiên đầu tư theo đặc thù của tỉnh như:

+ Không quy định các nội dung như: *Đầu tư phát triển năng lượng gió* (Mục I); *Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào của khu chế xuất, khu kinh tế* (Mục II); *Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án ngư nghiệp, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp* (Mục III).

+ Bổ sung các nội dung: *Đầu tư kho bãi, cảng, hạ tầng kỹ thuật thông tin, viễn thông* (Mục I); *các dự án đầu tư kho bãi bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp*” (Mục III).

- Đối lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác của địa phương tại Mục V của dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã cụ thể hoá các lĩnh vực đặc thù của tỉnh Bình Dương ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2017 - 2021, gồm: (1) *Đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ*; (2) *Đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án thuộc ngành công nghiệp xuất khẩu*; (3) *Đầu tư hạ tầng dự án dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp và đô thị*.

- Đối với đề xuất của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao cho Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định danh mục đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương (khi có phát sinh): Trong giai đoạn 2014-2016, do UBND tỉnh chưa cụ thể hóa các lĩnh vực đặc thù của địa phương ưu tiên đầu tư (mục V) và cũng theo tinh thần quy định của Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ thì mục này phải thông qua HĐND tỉnh. Vì vậy, để vừa đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong điều hành của UBND tỉnh nhưng cũng đảm bảo về mặt thẩm quyền theo quy định của Chính phủ, HĐND tỉnh thống nhất việc uỷ quyền cho Thường trực HĐND tỉnh xem xét thỏa thuận các lĩnh vực khác ưu tiên của địa phương khi UBND tỉnh trình. Đối với dự thảo nghị quyết lần này, UBND tỉnh đã quy định cụ thể lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác của địa phương tại Mục V và theo quy định thì UBND tỉnh có thể trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định các lĩnh vực ưu tiên của địa phương hàng năm; do đó Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy việc uỷ quyền không cần thiết.

3. Về dự thảo nghị quyết

Dự thảo nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 149/BC-STP ngày 27/10/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, để phù hợp giữa nội dung và hình thức, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị sửa Điều 1 dự thảo nghị quyết như sau:

- Khoản 1: Chuyển các nội dung: “Đầu tư kho bãi, cảng, hạ tầng kỹ thuật thông tin, viễn thông (Mục I) và “Các dự án đầu tư kho bãi bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp” (Mục III) sang Mục V vì các nội dung này được quy định bổ sung theo đặc thù của tỉnh.

- Bỏ quy định tại Khoản 2. “Ngoài danh mục nêu trên, nếu có phát sinh thêm đối tượng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương, trước khi quyết định danh mục cụ thể, UBND tỉnh báo cáo với Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, cho ý kiến”.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

X. Dự thảo nghị quyết về danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất, chuyển mục đích có sử dụng đất lúa trong năm 2017 của các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Bình Dương.

1. Về thẩm quyền

Điểm d Khoản 4 Điều 9 và Khoản 3 Điều 45 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai để báo cáo UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm của HĐND cấp tỉnh” và “UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện”. Bên cạnh đó, Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 cũng quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, đối với dự án có sử dụng đất lúa có diện tích dưới 10 ha phải có Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh.

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định danh mục dự án, công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích có sử dụng đất lúa trong năm 2017 của các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Bình Dương là đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

2. Về nội dung

a) Đối với danh mục dự án, công trình thu hồi đất trong năm 2017

Qua xem xét, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy 156 công trình, dự án với diện tích là 1.058,85 ha, UBND tỉnh trình thu hồi đất trong năm 2017 cơ bản phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Bình Dương, đảm bảo triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2017; đồng thời danh mục các công trình, dự án thu hồi đất tương đối toàn diện trên các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở cả khu vực đô thị và nông thôn, đảm bảo điều kiện thu hồi

đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 và Điểm b Khoản 6 Điều 56 Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất⁹. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất.

b) Đối với việc chuyển tiếp danh mục dự án, công trình thu hồi đất trong năm 2016 sang thực hiện trong năm 2017

Theo báo cáo của UBND tỉnh, kết quả thực hiện thu hồi đất các công trình, dự án trong năm 2016 đạt thấp so với Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua. Trong đó chỉ có 21,1% số lượng công trình, dự án đã thực hiện; 21,2% số lượng công trình, dự án đang triển khai thực hiện; còn lại 57,7% số lượng công trình, dự án chưa thực hiện. Hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, địa phương; việc đăng ký danh mục các công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của các ngành, địa phương còn mang nặng tính định hướng dài hạn, trong khi không chủ động được nguồn lực đầu tư; bên cạnh đó, việc xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn còn chậm và có sự điều chỉnh, thay đổi đã ảnh hưởng đến việc bố trí vốn từ ngân sách để đầu tư các công trình, dự án... Ban Kinh tế - Ngân sách đồng tình với đánh giá của UBND tỉnh về những tồn tại, hạn chế nêu trên và đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo khắc phục.

Trên cơ sở rà soát, đánh giá tính khả thi, năng lực thực hiện, UBND tỉnh đề nghị chuyển tiếp thực hiện trong năm 2017 là 233 dự án, công trình với tổng diện tích 1.054,02 ha (theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND9 ngày 12/8/2016 của HĐND tỉnh). Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với đề nghị này của UBND tỉnh.

c) Không thực hiện và đưa ra khỏi danh mục thu hồi đất năm 2016:

Qua rà soát, có 289 công trình, dự án với tổng diện tích 1.707,99 ha đã được HĐND tỉnh quyết định thu hồi đất trong năm 2016 nhưng chưa thực hiện được. Tuy nhiên, UBND tỉnh chỉ xin chuyển tiếp thực hiện trong năm 2017 là 233 dự án, công trình với tổng diện tích 1.054,02 ha; còn 56 công trình, dự án với diện tích là 653,97 ha đến nay vẫn không có khả năng thực hiện. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, không thực hiện và đưa ra khỏi danh mục thu hồi đất năm 2016 số công trình, dự án trên.

d) Về đề xuất của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao cho Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa (khi có phát sinh) trong thời gian giữa 2 kỳ họp.

Luật Đất đai năm 2013 quy định việc quyết định danh mục các dự án cần thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên thực tiễn cho thấy nhiều công trình, dự án không triển khai thực hiện được theo kế hoạch hàng

⁹ Điểm b Khoản 6 Điều 56 Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: “Để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch, bao gồm các dự án quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại”.

năm nhưng không kịp thời điều chỉnh loại khỏi danh mục để bảo đảm quyền lợi của người dân có đất thuộc diện thu hồi, đồng thời, phát sinh những công trình, dự án có tính cấp thiết cần trình HĐND tỉnh quyết định việc thu hồi đất, trong khi Hội đồng nhân dân không thể họp thường xuyên theo yêu cầu thực tiễn. Do đó, để vừa đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong điều hành của UBND tỉnh nhưng cũng đảm bảo về mặt thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với đề nghị của UBND tỉnh là giao cho Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa (khi có phát sinh trong năm 2017) trong thời gian giữa 2 kỳ họp và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Với những phân tích trên, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua:

- Danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất trong năm 2017 là 156 dự án với diện tích là 1.058,85 ha;

- Chuyển tiếp thực hiện thu hồi đất trong năm 2017 đối với 233 dự án, công trình với tổng diện tích 1.054,02 ha được HĐND tỉnh thông qua trong năm 2016;

- Không thực hiện và đưa ra khỏi danh mục thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2016 đối với 56 công trình, dự án với diện tích là 653,97 ha;

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

XI. Dự thảo Nghị quyết về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

1. Về sự cần thiết và thẩm quyền

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa: “Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa”. Đồng thời, Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa quy định: “Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có nghị quyết về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại địa phương”.

Thực hiện theo quy định pháp luật, để bảo vệ quỹ đất lúa, phát triển đất lúa đúng quy hoạch, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng quy định hiện hành.

2. Nội dung:

- Về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: UBND tỉnh trình mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa là 70% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp (ghi trong quyết định cho

phép chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền) nhân với (x) giá của loại đất trồng lúa được tính theo bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất. Như vậy, giá các loại đất được UBND tỉnh quy định cụ thể cho từng khu vực, vị trí khác nhau sẽ dẫn đến mức thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa tại từng khu vực cũng khác nhau.

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ và Điểm a Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính, tùy theo điều kiện cụ thể tại địa phương, UBND cấp tỉnh quyết định mức nộp cụ thể nhưng không thấp hơn 50%. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa là 70% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- *Về phân chia nguồn thu*: Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính quy định: “*Cơ quan tài chính căn cứ bản kê khai của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất, xác định và tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh, hạch toán mục lục ngân sách mục thu khác, tiểu mục 4914*” và Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC quy định UBND các cấp sử dụng khoản tiền thu được để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp với điều kiện của địa phương. Mặt khác, theo quy định tại Điều 105 Luật đất đai năm 2013, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc UBND cấp huyện và cấp GCNQSDĐ đối với tổ chức thuộc thẩm quyền UBND tỉnh. Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất nguồn thu thuộc thẩm quyền quyết định của cấp nào thì cấp đó hưởng 100% như đề nghị của UBND tỉnh.

3. Về dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại các báo cáo số 173/BC-STP ngày 15/11/2016, đảm bảo về thể thức theo đúng quy định pháp luật.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách về các báo cáo, Tờ trình, dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách trình kỳ họp thứ 3, kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐ Văn phòng;
- Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH

TRƯỞNG BAN


Nguyễn Tâm Dương